

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 290/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 9 - 2023.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/7/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị P** - sinh năm 1984. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

- Bị đơn: Anh **Bùi Như C** - sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

- Người liên quan, đồng thời là người được chị P ủy quyền giao, nhận văn bản: Bà **Nguyễn Thị M** - sinh năm 1963 (mẹ đẻ chị P). Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Anh C, chị P, bà M đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai chị **Ngô Thị P** là nguyên đơn trình bày: Chị và anh **Bùi Như C** tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 15/12/2002.

Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh C sinh sống, vợ chồng tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận và có 02 con chung. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, chị xuất cảnh đi lao động tại Nhật Bản, còn anh C ở nhà lao động và nuôi các con. Đến năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, nguyên

nhân là do tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau dẫn đến tình cảm lạnh nhạt, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tháng 7/2023, chị về nước thăm gia đình nhưng giữa chị và anh C không có biện pháp gì để hàn gắn, níu kéo cuộc sống chung nên chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Thanh C, sinh ngày 30/7/2004 và Bùi Thị Trâm A, sinh ngày 17/9/2012.

Đối với cháu C đã trên 18 tuổi, trưởng thành và tự lo được cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Đối với cháu Trâm A hiện đang ở với chị và gia đình bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ chị P). Nguyên vọng của chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trâm A và tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, cam kết có đủ khả năng, điều kiện kinh tế để nuôi cháu Trâm A đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị tiếp tục đi lao động tại Nhật Bản nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, đồng thời chị ủy quyền cho bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ chị thay mặt giao, nhận các văn bản, giấy tờ với Tòa án và ủy quyền cho bà M trông nom, chăm sóc cháu Trâm A cho đến khi chị về nước trực tiếp nuôi con.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Bùi Như C là bị đơn trình bày:*
Về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng như chị P trình bày là đúng. Sau ngày tổ chức lễ cưới, anh chị tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận nhiều năm. Đến năm 2016, chị P xuất cảnh đi lao động tại Nhật Bản, còn anh ở nhà lao động và nuôi dưỡng 02 con chung, anh chị vẫn thường xuyên liên lạc với nhau và không có mâu thuẫn gì lớn, chị P vẫn gửi tiền về cho anh nuôi con. Đến năm 2019, chị P hết hạn hợp đồng lao động và về nước, anh chị chung sống với nhau một thời gian thì chị P tiếp tục đi lao động tại Nhật Bản từ đầu năm 2020 cho đến năm 2022 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cách tổ chức cuộc sống chung, chị P không muốn về nước để vợ chồng cùng bảo nhau làm ăn và cùng nuôi con. Tháng 7/2023, chị P về nước được vài ngày tuy nhiên vợ chồng không bảo được nhau, đã xảy ra mâu thuẫn căng thẳng nên không còn tôn trọng nhau, chị P cùng các con về bên gia đình ông bà ngoại ở và làm đơn xin ly hôn anh. Nay anh xác định vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau nên anh hoàn toàn nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác định con chung Bùi Thị Thanh C, sinh ngày 30/7/2004, hiện đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lo được cuộc sống riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng cháu C. Đối với con chung Bùi

Thị Trâm A, sinh ngày 17/9/2012, hiện nay đang ở với ông bà ngoại do bà Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị P có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trâm A và tự nguyện không yêu cầu anh phải đóng góp tiền nuôi con, anh hoàn toàn nhất trí để chị P tiếp tục nuôi cháu Trâm A. Chị P nhờ gia đình ông bà ngoại trông nom cháu Trâm A trong thời gian chị P lao động ở nước ngoài anh cũng đồng ý vì cháu Trâm A ở với gia đình ông bà ngoại vẫn đảm bảo cuộc sống, học tập và phát triển.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

- *Tại các biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị M trình bày:* Bà là mẹ đẻ chị Ngô Thị P. Bà đồng ý nhận ủy quyền của chị P về việc giao, nhận văn bản, tài liệu và đồng ý thay mặt chị P trông nom, chăm sóc cháu Trâm A trong thời gian chị P đi lao động ở nước ngoài cho đến khi chị P về nước trực tiếp nuôi con, bà tự nguyện không yêu cầu chị P phải thanh toán chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trâm A vì chị P cam kết có trách nhiệm gửi tiền về cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đảm bảo cuộc sống. Bà đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị P và anh C theo quy định của pháp luật và đề nghị giải quyết vắng mặt bà.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị P được ly hôn anh Bùi Như C; Về con chung: Xử giao chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Trâm A, sinh ngày 17/9/2012 cho đến khi con trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Trâm A cho bà Nguyễn Thị M trông nom, chăm sóc cho đến khi chị P về nước trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thị P là người Việt Nam đang lao động tại Nhật Bản đã trực tiếp viết đơn xin ly hôn, viết bản tự khai có xác nhận chữ ký tại UBND xã V, bị đơn anh Bùi Như C có địa chỉ tại thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37

của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Chị P có đơn xin xử vắng mặt và ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị M để giao, nhận các tài liệu và thay mặt trình bày quan điểm liên quan đến vụ án ly hôn, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị P thông qua bà M. Bị đơn là anh Bùi Như C và người liên quan là bà Nguyễn Thị M cũng có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh C và bà M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh C tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 15/12/2002. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận và có 02 con chung với nhau. Năm 2016, do điều kiện kinh tế gia đình chị P xuất cảnh đi lao động tại Nhật Bản, còn anh C ở nhà chăm sóc các con và đi làm lao động tự do, thời gian đầu anh chị thường xuyên giữ liên lạc, gọi điện động viên nhau làm ăn. Năm 2019, chị P về nước, tuy nhiên anh chị chung sống với nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau dẫn đến cuộc sống lạnh nhạt. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Đầu năm 2020, chị P tiếp tục đi lao động tại Nhật Bản, các con vẫn do anh C trông nom, chăm sóc. Từ đó đến nay anh chị không thường xuyên liên lạc với nhau, không quan tâm cuộc sống của nhau. Tháng 7/2023, chị P về Việt Nam thăm gia đình, tuy nhiên hai bên không tìm được biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn, níu kéo cuộc sống chung. Nay chị P xác định vợ chồng sống ly thân nhiều năm nên tình cảm vợ chồng không còn, không muốn tiếp tục chung sống với anh C nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Anh C cũng có quan điểm xác định mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên hoàn toàn nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị P được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Bùi Thị Thanh C, sinh ngày 30/7/2004, đã trên 18 tuổi trưởng thành, có thể tự lo được cuộc sống riêng và Bùi Thị Trâm A, sinh ngày 17/9/2012, hiện đang ở với gia đình bà M. Chị P hiện đang lao động ở nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bố mẹ đẻ chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung nên chị P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trâm A sau khi ly hôn và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con. Do chị tiếp tục đi lao động tại Nhật Bản nên chị nhờ mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trâm A cho đến khi chị về nước trực tiếp nuôi con. Bà M nhất trí nhận ủy quyền của chị P để chăm sóc cháu Trâm A cho đến khi chị P về nước trực tiếp nuôi con và tự nguyện

không yêu cầu chị P thanh toán phí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Quan điểm của anh C cũng nhất trí để chị P được nuôi con chung và cháu Trâm A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét hai bên thống nhất được với nhau về việc nuôi dưỡng con chung đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của con, cần giao chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Trâm A cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm giao cháu Trâm A cho bà Nguyễn Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị P về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị P được ly hôn anh Bùi Như C.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Thanh C, sinh ngày 30/7/2004 và Bùi Thị Trâm A, sinh ngày 17/9/2012.

Đối với cháu C đã trên 18 tuổi, trưởng thành nên không phải giải quyết việc nuôi dưỡng.

Giao chị Ngô Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Trâm A, sinh ngày 17/9/2012 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Trâm A cho bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ chị P) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị P đi lao động ở nước ngoài cho đến khi chị P về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2022/0002125 ngày 11/7/2023. Chị P đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Anh C và bà M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị P đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, Hải Dương (*để nghị vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạc Minh Quang